

Bản án số: 70/2022/HS-ST
Ngày: 20/9/2022

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Trần Văn Quyết.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2022/TLST - HS ngày 19/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST – HS ngày 06/9/2022 đối với bị cáo:

Trần Hữu L, sinh năm 1965; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Trần Xuân B (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Á và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn V;
địa chỉ trụ sở chính: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo uỷ
quyền: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh
Hà Nam. (có mặt)

* **Người làm chứng:** Ông Phạm Văn M, sinh năm 1955 và anh Ngô Văn C, sinh năm 1986. (có mặt anh C; vắng mặt ông M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (sau đây viết tắt là Công ty TNHH V) là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; mã số doanh nghiệp: 0700222xxx đăng ký tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam. Thành viên góp vốn của công ty gồm bị cáo Trần Hữu L và vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị Á. Bị cáo L

giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty. Ngành nghề chính của công ty là mua bán phế thải, phế liệu kim loại, sắt thép phế liệu, phế loại kim loại màu, đồng nát, tái chế phế liệu; đúc sắt, thép và kim loại màu; ngoài ra còn nhiều ngành nghề khác.

Công ty TNHH V xây dựng nhà xưởng sản xuất tại thửa đất số 56 tờ bản đồ số 3 (Bản đồ địa chính xã T); địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vị trí thửa đất về phía Bắc và phía Tây giáp ruộng giao ổn định của một số hộ dân thôn T thuộc xứ đồng T, tuy nhiên nhiều năm không canh tác cây lúa.

Tháng 7/2004, Công ty TNHH V xây dựng Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường trong đó có nội dung: Các loại xỉ lò, xỉ than, đất lẫn trong sắt thép vụn Công ty thu gom và dùng vào san lấp công trình. Tiếp đó đến ngày 13/3/2007 Công ty TNHH V hoàn thiện bản cam kết bảo vệ môi trường với nội dung: Xỉ than từ lò nung sẽ được bán cho các cơ sở sản xuất đóng gạch si để tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường. Trong trường hợp không bán được thì xỉ than sẽ được xử lý như rác thải sinh hoạt... Các loại gỉ sắt, phế thải đầu thừa nguyên liệu, giấy ráp không tận dụng được sẽ được công ty thu gom và hợp đồng với các đơn vị chức năng để xử lý phù hợp với tính chất của rác thải. Ngày 21/3/2007 UBND huyện B xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Công ty TNHH V và yêu cầu Công ty TNHH V có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường. Tuy nhiên từ đó đến năm 2021, Công ty không tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các nội dung trong bản cam kết và không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

Năm 2017 bị cáo L đã mua 1.074m² đất trồng lúa của hộ gia đình ông Phạm Văn M. Từ năm 2017 đến tháng 8/2020, L thuê người vận chuyển chất thải rắn phát sinh từ quá trình nấu sắt, thép, đá thạch anh, thay vỏ lò của Công ty ra khu đất trồng lúa mua của ông M và trả tiền công theo từng chuyến. Từ tháng 9/2020, L thuê anh Ngô Văn C là công nhân của Công ty TNHH V sử dụng công nông tự chế của anh C vận chuyển chất thải rắn công nghiệp từ trong khu vực nhà xưởng của Công ty TNHH V ra khu đất trồng lúa mà bị cáo mua của ông M.

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 14/12/2021, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã phát hiện Công ty TNHH V trong quá trình hoạt động sản xuất tái chế phế liệu sắt thép có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên đã tiến hành làm việc, ghi nhận tại khu vực sản xuất của Công ty có 3 lò nấu thép đang hoạt động. Tuy nhiên Công ty TNHH V không bố trí hệ thống quạt hút nên ống khói, khí thải từ 03 lò nấu thép thải trực tiếp ra ngoài môi trường xung quanh khu vực nhà xưởng. Nước thải từ hoạt động sản xuất của Công ty xả trực tiếp ra ao chứa bên ngoài phía sau Công ty; chất thải rắn công nghiệp gồm xỉ lò (bột sắt) phát sinh từ quá trình nấu sắt, thép, đá thạch anh của Công ty được bị cáo L thuê người vận chuyển ra khu đất ruộng có diện tích 1.074m² được UBND

huyện B giao cho hộ ông Phạm Văn M trồng lúa giáp tường bao Công ty TNHH V.

Ngày 15/12/2021, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành thu giữ, niêm phong các mẫu vật như sau: Thu mẫu nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất tại điểm xả nước thải ra ao phía sau Công ty để tiến hành phân tích, kiểm định. Thu 12 túi ni lông chất thải rắn màu nâu đen (mỗi túi có trọng lượng 1,5 kg), được thu ở ba tầng (tầng mặt, tầng giữa, tầng đáy) thuộc các góc Đông, Tây, Nam, Bắc tại khu đất phía Bắc bên cạnh nhà xưởng của Công ty TNHH V, được niêm phong trong các thùng cát tông ký hiệu M1, M2, M3, M4. Thu của Công ty TNHH V 01 túi ni lông có trọng lượng 1,5 kg, bên trong chứa chất thải màu nâu đen được thu tại khu vực sản xuất của Công ty TNHH V, được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu M5. Đối với khí thải, do Công ty không có ống khói để thu và thoát khí thải nên không thể thu mẫu khí.

Ngày 18/12/2021, L đã giao nộp cho Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam 01 xe công nông đã qua sử dụng, màu xanh, có 3 bánh, có thùng nâng lên hạ xuống được.

Ngày 21/12/2021, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã phối hợp với các cơ quan chức năng đã xác định khối lượng chất thải của Công ty TNHH V mà L đã thuê người vận chuyển ra khu đất ruộng là 3.084.100 kg. Đồng thời Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã lập biên bản tạm giữ tang vật và giao UBND xã T, Công an xã T, chính quyền thôn Đ, xã T quản lý, giám sát.

Ngày 07/01/2022 Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã chuyển hồ sơ tin báo cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả khám nghiệm hiện trường như sau: Hiện trường vụ việc “Gây ô nhiễm môi trường” xảy ra ngày 14/12/2021 tại khu đất trống phía Bắc cạnh Công ty TNHH V thuộc thôn Đ, xã T, huyện B như sau: Khu đất trống phía Bắc cạnh Công ty TNHH V nằm trên khu vực cánh đồng rau muống của thôn Đ, xã T với diện tích khoảng 1000m². Phía Bắc tiếp giáp với đường Công ty X chạy hướng Đông - Tây dẫn từ đường QL37B đi nhà máy xi măng X, xã T, huyện Th. Phía Nam tiếp giáp khu vực phòng làm việc và nhà xưởng của Công ty TNHH V. Phía Đông tiếp giáp với ruộng rau muống và bãi đất trống trồng chuối của thôn Đ; tiếp đến là đường QL37B chạy hướng Bắc - Nam dẫn đến trung tâm thị trấn B đi huyện Y, tỉnh Nam Định. Phía Tây tiếp giáp với ruộng rau muống thôn Đ. Trên khu vực khu đất này, tại vị trí cách mép tường bao phía Bắc khu nhà xưởng của Công ty V 14,5m về phía Bắc, cách mép phía Tây đường QL37B về phía Tây 45m, cách mép phía Nam đường Xuân Thành về phía Nam 30m phát hiện nhiều tổ chức các chất rắn có màu đen, nâu dạng cục, vón cục được đổ dồn thành đống, bề mặt được san gồ ghề có KT(30x28,5)m, chiều cao từ vị trí

đỉnh đồng xuống bề mặt nền rau muống cao 4,3m. Kiểm tra toàn bộ bề mặt đồng chất này phát hiện nhiều tổ chức các chất màu nâu, màu đen dạng cục, vón cục lẫn đất đá. Tiến hành gạt bỏ lớp bề mặt và đào xuống phía dưới phát hiện các tổ chức chất rắn màu nâu, đen dạng cục, vón cục lẫn đất, đá và rác thải. Tiếp tục đào xuống phía dưới qua lớp tổ chức chất màu nâu, đen nghi chất thải ghi nhận các chất này tiếp xúc trực tiếp với mặt bùn đất của ruộng rau muống tương ứng với nền đất ruộng rau muống xung quanh. Quá trình đào qua lớp bùn đất không phát hiện thêm các tổ chức chất nghi chất thải.

Ngày 15/12/2021 Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hà Nam yêu cầu Công ty Cổ phần kỹ thuật và môi trường Việt Nam phân tích mẫu nước thải thu ngày 14/12/2021 của Công ty TNHH V. Căn cứ phiếu kết quả phân tích số HN01.10-01/KQPT-VT/202201 ngày 10/01/2022 của Công ty Cổ phần kỹ thuật và môi trường Việt Nam; Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hà Nam xác định: Mẫu nước thải được thu ngày 14/12/2021 của Công ty TNHH V phát hiện 01 thông số vượt giá trị giới hạn cho phép so với QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể thông số chất rắn lơ lửng vượt 1,02 lần.

Ngày 19/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định đối với các mẫu chất thải rắn đã thu giữ và niêm phong trong các thùng cát tông ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5. Tại Kết luận giám định số 466/KL-C09-P4 ngày 15/02/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các mẫu chất thải ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 gửi giám định đều là chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Ngày 04/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B có văn bản đề nghị Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam phối hợp kiểm tra xác định khu vực đất quanh vị trí Công ty TNHH V đổ thải có bị ô nhiễm do đổ chất thải rắn không. Tại văn bản số 13/TTQT-QT ngày 08/4/2022 của Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường - Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam kết luận: Các chỉ tiêu quan trắc môi trường đất tại khu vực chôn lấp của Công ty TNHH V - thôn Đ, xã Tiêu Động, huyện B đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03-MT:2015/BTNMT.

Quá trình điều tra Trần Hữu L khai nhận: Do lượng nước thải và chất thải rắn công nghiệp tăng mà khuôn viên trong Công ty không còn chỗ để san lấp nên năm 2017 L tự bỏ tiền cá nhân mua 1.074m² đất trồng lúa của hộ ông Phạm Văn M với giá 110 triệu đồng với mục đích làm nơi chứa chất thải rắn và mua 266m² đất trồng lúa của hộ gia đình ông Lê Văn Ch với giá 35 triệu đồng với mục đích làm ao chứa nước sau làm mát sắt; các chất thải rắn và nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty TNHH V. Việc mua bán đất trồng lúa giữa L và các gia đình ông M, ông Ch không thông qua Hội đồng thành viên, không có người chứng kiến cũng như không có xác nhận của chính quyền địa

phương. Mặc dù bị cáo L không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải nhưng từ năm 2017 đến tháng 8/2020, L dùng tiền cá nhân thuê người chở không cố định và trả tiền công theo từng chuyến để vận chuyển chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất của Công ty TNHH V ra đổ tại khu đất ruộng mua của ông M. Từ tháng 9/2020 cho đến thời điểm bị phát hiện tháng 12/2021, L dùng tiền cá nhân thuê anh Ngô Văn C là công nhân của Công ty TNHH V sử dụng công nông tự chế của Công ty TNHH V vận chuyển chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất của Công ty TNHH V ra đổ tại khu đất ruộng mua của ông M với giá 40.000 đồng/chuyến.

Tại Cáo trạng số 68/CT-VKS-MTrg ngày 18/8/2022; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Trần Hữu L về tội “*Gây ô nhiễm môi trường*” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm d khoản 3 và khoản 4 Điều 235, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 41 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bị cáo Trần Hữu L phạm tội “*Gây ô nhiễm môi trường*”. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ 1.200.000.000 đồng đến 1.300.000.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo hành nghề hoặc làm công việc tái chế phế liệu, phế thải kim loại (mã ngành 3830) được đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH V từ 02 năm đến 03 năm. Trả lại Công ty TNHH V 3.084.100 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường để Công ty TNHH V xử lý theo đúng quy định của pháp luật về môi trường.

Tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận hành vi đổ chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất của Công ty TNHH V ra môi trường như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định bị cáo phạm tội là do không có kiến thức về xử lý chất thải do vậy bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt ở mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo cam kết khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo sẽ thi hành án đúng thời hạn yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Á đã trình bày hành vi đổ chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất của Công ty TNHH V ra môi trường của bị cáo L như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Tại phiên tòa cả bị cáo L và bà Á đều xác định 3.084.100 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường mà bị cáo L đổ ra môi trường là tài sản của Công ty TNHH V và có thể được tái chế hoặc dùng để san lấp; Công ty TNHH V cũng đã ký hợp đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại T; có địa chỉ trụ sở chính tại tổ x, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Công ty TNHH T). Do đó bị cáo L và bà Á đề nghị Hội đồng xét xử trả lại Công ty TNHH V để Công ty xử lý

theo đúng quy định của pháp luật về môi trường. Bị cáo L và bà Á cam kết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Công ty TNHH V sẽ xử lý xong số chất thải để trả lại mặt bằng đất cho UBND xã T.

Tại phiên tòa, người làm chứng – anh Ngô Văn C trình bày: Anh có thời gian làm công nhân tại Công ty TNHH V từ khoảng tháng 9/2020 đến khoảng tháng 11/2021. Trong thời gian này anh có được bị cáo L thuê chở chất thải của Công ty ra đổ tại khu đất ruộng. Do anh biết khu đất ruộng đó là của bị cáo L và không biết chất thải mà bị cáo thuê chở đổ là chất thải rắn công nghiệp thông thường nên anh đã nhận chở đổ. Anh đã chở khoảng 180 chuyến, mỗi chuyến có khối lượng khoảng 01 tấn với giá tiền công là 40.000 đồng/chuyến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để xác định: Công ty TNHH V có 02 thành viên là bị cáo Trần Hữu L và vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị Á; bị cáo L giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty. Năm 2017 không thông qua Hội đồng thành viên, bị cáo L bỏ tiền cá nhân mua 1.074m² đất ruộng lúa của hộ gia đình ông Phạm Văn M với giá 110 triệu đồng với mục đích làm nơi chứa chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty TNHH V. Mặc dù khu đất ruộng bị cáo L mua của ông Mừng chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng và bị cáo không được cấp phép xử lý chất thải nhưng từ năm 2017 đến ngày 14/12/2021 bị cáo L không thông qua Hội đồng thành viên mà tự ý bỏ tiền cá nhân thuê người vận chuyển chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty TNHH V từ khu vực nhà xưởng của Công ty ra đổ tại khu đất ruộng mua của hộ ông M. Kết quả giám định đã xác định bị cáo L đã thuê người đổ 3.084.100 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường ra môi trường.

Hành vi này của bị cáo Trần Hữu L đã phạm tội “*Gây ô nhiễm môi trường*” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên xét thấy: Theo kết luận của Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam thì các chỉ tiêu quan trắc môi trường đất tại khu vực chôn lấp của Công ty TNHH V ở thôn Đ, xã T, huyện B đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03-MT:2015/BTNMT. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã chủ động ký hợp đồng với Công ty TNHH T để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường nhằm khắc phục hậu quả theo quyết định của Tòa án. Đồng thời xét bị cáo phạm tội lần đầu, nguyên nhân phạm tội một phần do kiến thức về pháp luật môi trường còn hạn chế; nay đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải và có ý thức chủ động khắc phục hậu quả; bị cáo làm nghề kinh doanh và là chủ doanh nghiệp; do vậy Hội đồng xét xử thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền với mức phạt tương xứng với hành vi phạm tội cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi đổ chất thải rắn công nghiệp thông thường của bị cáo ra môi trường là nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc là tái chế phế liệu, phế thải kim loại theo mã ngành đăng ký kinh doanh đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và Bản cam kết bảo vệ môi trường của Công ty TNHH V đã được UBND huyện B xác nhận đăng ký có nội dung: *“Các loại xỉ lò, xỉ than, đất lẫn trong sắt thép vụn Công ty thu gom và dùng vào san lấp công trình”, “Các phế liệu trong quá trình sản xuất như bao gói được thu gom để tái chế”, “Xỉ than từ lò nung sẽ được bán cho các cơ sở sản xuất đóng gạch si để tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường”*.

Như vậy chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty TNHH V có phần có thể tái chế hoặc dùng để san lấp nên có giá trị sử dụng. Tại văn bản số 25/CV-UBND ngày 19/9/2022, UBND xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện B yêu cầu Công ty TNHH V nhanh chóng di dời số chất thải rắn đang được cơ quan Công an giao quản lý để nhanh chóng trả lại mặt bằng cho địa phương. Đồng thời Công ty TNHH V đã ký hợp đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty TNHH T. Do vậy Hội đồng xét xử giao trả lại 3.084.100 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH V là vật chứng của vụ án cho Công ty TNHH V để Công ty xử lý theo đúng quy định của pháp luật về môi trường. Trong quá trình xử lý vật chứng nếu cá nhân, tổ chức nào vi phạm quy định của pháp luật về môi trường thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời Hội đồng xét xử yêu cầu Công ty TNHH V nhanh chóng thực hiện xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường để trả lại mặt bằng đất

sạch cho UBND xã T khi bản án có hiệu lực pháp luật đúng như bị cáo L và bà Á cam kết.

Về chi phí quản lý, trông coi vật chứng vụ án, do UBND xã T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về các tình tiết khác của vụ án:

- Đối với chiếc xe công nông mà bị cáo L giao nộp cho cơ quan Công an; tài liệu điều tra xác định xe công nông không có biển số là tài sản của anh Ngô Văn C và là loại phương tiện cấm lưu hành do không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Việc Cơ quan CSĐT Công an huyện B tách ra để chuyển Công an huyện B xác minh, xử lý theo quy định là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi vận chuyển khoảng 180 chuyến chất thải rắn công nghiệp thông thường đổ ra môi trường và nhận tiền công 40.000 đồng/chuyến từ bị cáo L của anh Ngô Văn C từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2021; tài liệu điều tra đã xác định tại thời điểm L thuê anh C thực hiện công việc nêu trên thì anh C nhận thức khu đất trống trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của L nên L được phép đổ chất thải rắn của Công ty TNHH V ra khu đất đó; anh C không biết việc vận chuyển chất thải đó là chất thải rắn công nghiệp thông thường và anh chỉ là người làm thuê cho bị cáo L. Đồng thời cũng không xác định được chính xác khối lượng chất thải anh C vận chuyển là bao nhiêu do vậy Cơ quan CSĐT không xử lý đối với anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với bà Nguyễn Thị Á là thành viên thứ hai Hội đồng thành viên Công ty TNHH V và là vợ của bị cáo L; tài liệu điều tra xác định từ khi Công ty TNHH V thành lập năm 2003 đến thời điểm phát hiện vụ việc, bà Á không tham gia họp Hội đồng để đưa ra những quyết sách liên quan đến các vấn đề của Công ty. Tất cả các hoạt động giao dịch, sản xuất của Công ty đều do L quản lý và chỉ đạo trực tiếp. Việc L mua đất ruộng và chỉ đạo việc đưa chất thải rắn của Công ty ra khu vực đất ruộng thì bà Á không biết và không tham gia, không liên quan. Do vậy Cơ quan CSĐT không xử lý đối với bà Á là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với mẫu nước thải được thu ngày 14/12/2021 của Công ty TNHH V phát hiện 01 thông số vượt giá trị giới hạn cho phép so với QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể thông số chất rắn lơ lửng vượt 1,02 lần. Tại biên bản xác định lưu lượng nước thải ngày 14/12/2021 của Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hà Nam xác định: Trong thời gian 01 ngày đêm (24 giờ) lượng nước Công ty TNHH V thải ra ao phía sau Công ty là 4,32m³/ngày. Do vậy Công an huyện B đã quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo đối với Công ty TNHH V là phù hợp quy định của pháp luật.

- Đối với việc từ năm 2003 đến năm 2014 Công ty TNHH V nhiều lần thay đổi quy mô, công suất nhưng từ năm 2007 đến năm 2021 không bổ sung hoàn thiện các nội dung trong bản cam kết, không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và việc Công ty TNHH V xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh trên diện tích 1.526m² đất thuộc quản lý của UBND xã T. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã kiến nghị UBND huyện B tiến hành kiểm tra, đôn đốc và có biện pháp xử lý vi phạm theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 3 và khoản 4 Điều 235; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 41 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu L phạm tội “*Gây ô nhiễm môi trường*”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Hữu L **1.200.000.000 đồng** nộp sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo Trần Hữu L có nghĩa vụ nộp tiền phạt tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

3. Áp dụng hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Hữu L hành nghề hoặc làm công việc: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại (mã ngành 3830) được đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH V. Thời hạn cấm hành nghề hoặc làm công việc là **03** (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Xử lý vật chứng: Trả lại Công ty TNHH V 3.084.100 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường để Công ty TNHH V xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện cam kết của bị cáo Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị Á. Buộc Công ty TNHH V phải di dời toàn bộ số chất thải rắn công nghiệp thông thường được trả lại để bàn giao trả mặt bằng đất nơi chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản bàn giao tang vật vi phạm giữa Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam với UBND xã T, Công an xã T, chính quyền thôn Đ, xã T ngày 21/12/2021).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Hữu L phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai. Báo cho bị cáo L và bà Á biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tiêu Động, huyện B;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)